

Số:/BCKT-THCS.HT

Hùng Thắng, ngày 30 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2022-2023

I. QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

1.1 Quy mô phát triển trường, lớp, giáo viên, học sinh.

Năm học 2022-2023 trường THCS Hùng Thắng đầu năm thời điểm 20/8/2022 kế hoạch huy động 660 học sinh, do học sinh chuyển đi chuyển đến, xin học lại nên thời điểm 05/9/2022 dự kiến 663 học sinh, biên chế 16 lớp trong đó khối 6: 4 lớp 181h/s; khối 7: 4 lớp 165 h/s; khối 8: 5 lớp 184 h/s; khối 9: 3 lớp 131 h/s.

Cuối năm do có 01 học sinh lớp 7 chuyển đi và 01 học sinh lớp 7 không đến trường thời điểm 05/9/2022, 01 học sinh lớp 8 chuyển về, 01 học sinh lớp 9 thôi học kỳ II nên tổng số học sinh toàn trường là 661 học sinh, biên chế 16 lớp trong đó khối 6: 4 lớp 181h/s; khối 7: 4 lớp 165 h/s; khối 8: 5 lớp 185 h/s; khối 9: 3 lớp 130 h/s.

1.2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1.2.1. Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được giao năm 2022 là 35 đ/c trong đó: Quản lý: 02; Giáo viên: 30; Nhân viên 03 kể cả bảo vệ; Năm 2023 giao chỉ tiêu 36 gồm 02 quản lý, 30 giáo viên, 02 nhân viên và 02 giáo viên hợp đồng lao động theo NQ 102 chưa tính bảo vệ, nhưng thực tế từ 01/09/2022 đến nay chỉ có 34 đ/c trong đó cán bộ quản lý 02 đ/c; giáo viên 29 đ/c, nhân viên 03 đ/c, 01 đ/c được biệt phái công tác tại Phòng GD&ĐT

1.2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục

Nhà trường đã tích cực tham mưu với Đảng chính quyền địa phương, Phòng GD&ĐT; Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND huyện quan tâm tạo điều kiện cấp nguồn ngân sách và tiết kiệm nguồn tài chính từ mục chi cho cơ sở vật chất từ học phí, dạy thêm học thêm tu sửa, trang bị trang thiết bị đồ dùng dạy học phục vụ đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018. Như trang bị thiết bị dạy học phòng máy tính thêm 09 máy tính, 05 ti vi, hệ thống bạt che nắng khu dây phòng học khu B, C; Sửa chữa nâng cấp khu dây phòng học khu A, bàn ghế phòng họp ..., tổng kinh phí trên 2,5 tỷ.

1.3. Công tác phổ cập giáo dục.

1.3. 1. Về quản lý, chỉ đạo thực hiện

Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ - CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/03/2016 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 11/01/2022 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ huyện Tiên Lãng về triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ (PCGD, XMC) năm 2022. Trường THCS với vai trò thường trực đã tích cực tham mưu với Ban chỉ đạo Phổ cập của xã rà soát kiện toàn ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và tiến hành in phiếu điều tra trong tháng 8 và tháng 9 năm 2022; tháng 12

cập nhật dữ liệu vào hệ thống tổng hợp trình Ban chỉ đạo của huyện kiểm tra công nhận kết quả như sau:

1.3.2. Công tác kiểm tra, công nhận, quản lý phổ cập

*** PHỔ CẬP THCS:**

Tiêu chuẩn 1:

1a. Huy động số trẻ 6 tuổi vào lớp 1 ở thời điểm năm 2022

- + Tổng số trẻ 6 tuổi: 167; trẻ 6 tuổi khuyết tật, chết: 0
- + Tổng số trẻ phải huy động: 167
- + Tổng số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 167/167; tỷ lệ: 100%

1b. Tổng số trẻ 11-14 tốt nghiệp tiểu học:

- + Tổng số trẻ 11-14 tuổi trên địa bàn: 637
- + Số trẻ 11-14 KT, chết, chuyển, vắng dài hạn: 05
- + Số trẻ 11-14 trong diện phải phổ cập: 632
- + Số trẻ 11-14 tốt nghiệp tiểu học: 623/ 632; tỷ lệ: 98.58%
- + Số trẻ 11-14 còn học tiểu học: 9/632; tỷ lệ: 1.42%
- + Số trẻ 11-14 bỏ học tiểu học: 0; tỷ lệ: 0%

1c. Tuyển sinh vào lớp 6:

- + Tổng số học sinh lớp 5 HTCT tiểu học năm qua: 164
- + Số học sinh tuyển mới vào lớp 6: 164/164; tỷ lệ: 100%

Tiêu chuẩn 2:

2a. Tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS năm qua: 126/126; tỷ lệ: 100%.

2b. Tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 có bằng TN THCS:

- + Tổng số thanh niên 15-18 trên địa bàn: 465
- + Nhóm tuổi 15-18 KT, chết, chuyển, vắng dài hạn: 04
- + Nhóm tuổi 15-18 phải phổ cập: 461
- + Nhóm tuổi 15-18 tốt nghiệp THCS: 439/461; tỷ lệ: 95.23%
- + Nhóm tuổi 15-18 đang học THCS: 10/461; tỷ lệ: 2.16%
- + Nhóm tuổi 15-18 bỏ học THCS: 12/461; tỷ lệ: 2.60%

2c. Số thanh thiếu niên 15-18 đang học THPT, BT THPT, TCCN, TDN: 439/461 đạt tỷ lệ: 95.23 %.

3. Đánh giá:

Đôi chiếu với tiêu chuẩn Phổ cập giáo dục THCS được quy định tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định điều kiện đảm bảo và nội dung quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC, xã Hùng Thắng đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS **mức độ 3** năm 2022.

*** PHỔ CẬP TRUNG HỌC VÀ NGHỀ**

- Số học sinh lớp 9 năm học 2021 - 2022 đã tốt nghiệp THCS là 126/126 em, đạt tỷ lệ 100%.

- Huy động được số học sinh từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS vào học THPT, GDTX và học nghề là 439/461 đạt tỷ lệ 95, 22%.

- Hiệu quả: Số thanh niên từ 18 đến 21 tuổi tốt nghiệp THPT, BTTHPT và học nghề là: 458/475 đạt 96.42%.

* Đánh giá: Đối chiếu với tiêu chuẩn phổ cập bậc trung học được quy định tại Hướng dẫn số 3420/THPT ngày 23/4/2003 của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện phổ cập bậc trung học, xã Hùng Thắng đã đạt chuẩn phổ cập Trung học và nghề năm 2022

Có thể nói công tác phổ cập năm 2022 được chủ động triển khai rà soát, thực hiện khớp khít số liệu, cấp độ ổn định tính bền vững khoa học hơn.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC DẠY VÀ HỌC

2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Việc triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo yêu cầu công văn 4612/BGDĐT- GDTrH và công văn 5512/BGDĐT-GDTrH được nhà trường triển khai tới toàn thể giáo viên trước khi bước vào năm học mới và linh hoạt điều chỉnh theo thực tế tình hình. Trên cơ sở Kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế. Việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học. Xây dựng các chủ đề dạy học: chủ đề môn học, chủ đề tích hợp, chủ đề liên môn; các chủ đề cấp trường, cấp cụm, cấp thành phố trong năm học trường đã tiến hành thực hiện được 15 chuyên đề chuyên môn cấp trường, 02 chuyên đề chuyên môn cấp huyện, 01 chuyên đề Đội cấp thành phố, hoàn thiện 03 dự án khoa học kỹ thuật; 27 chủ đề hoạt động giáo dục và 31 bài dạy minh họa của tổ, nhóm.

- Việc đẩy mạnh dạy và học ngoại ngữ theo hướng tăng cường ngoại ngữ 2 là tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc chưa thực hiện được do tình hình khu vực địa phương xa trung tâm, mặt khác nhu cầu điều kiện của nhân dân địa phương chưa thực sự cấp thiết, trường cũng chưa đủ điều kiện dạy học song ngữ.

2.2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học

- Kết quả triển khai đổi mới phương pháp và hình thức dạy học đảm bảo theo yêu cầu nhiệm vụ ngành đặt ra:

- Việc xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra đánh giá. Các biện pháp chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học, dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả học tập của mình được toàn thể giáo viên coi trọng và nghiêm túc thực hiện.

- Kết quả thực hiện giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp nhà trường đã tiến hành mô hình câu lạc bộ Stem, đã định hướng để các tổ nhóm có sản phẩm tham gia ngày hội Stem. Hoạt động trải nghiệm đã lập kế hoạch cụ thể được phụ huynh, học sinh đồng thuận nhất trí cao, trong năm học đã thực hiện các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo chủ đề, 03 sản phẩm giáo dục Stem; 05 chủ đề dạy học Stem; 01 hoạt động học tập trải nghiệm; Chủ đề: “Việt Nam quê hương tôi” Dành cho học sinh đăng ký theo nguyện vọng; Chủ đề 2: “Vì một hành tinh xanh” Dành cho học sinh không có điều kiện tham gia Chủ đề 1.

2.3. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh

- Việc thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT được quán triệt và thực hiện nghiêm túc

- Việc thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức kỹ năng, theo ma trận, bảng đặc tả, kiểm tra đánh giá trực tiếp được thực hiện đầy đủ, hiệu quả cao ở tất cả các bộ môn.

- Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch một cách linh hoạt thích ứng với diễn biến của dịch bệnh Covid-19, bố trí dạy trên 6 buổi trên tuần, hơn 6 buổi trên tuần nên việc tiếp nhận kiến thức của học sinh cũng được chủ động, khi chuyển đổi trạng thái dạy học không có gì ngỡ học sinh chuẩn bị sẵn sàng tải khoản cũng như phương tiện học tập.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh

Kết quả thực hiện công văn số 2771/SGDDĐT - GDTrH ngày 31/8/2021 của Sở GD&ĐT.

Triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc hoạt động ngoại khóa, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp theo quy định của chương trình các khối lớp.

Để làm tốt công tác phân luồng học sinh sau THCS vào học giáo dục nghề nghiệp cần tiếp tục làm tốt một số công việc sau:

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân, xã hội về vai trò của GDNN đối với phát triển kinh tế, xã hội, phát triển con người.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các cơ sở giáo dục phổ thông, cha mẹ học sinh, học sinh và các tầng lớp nhân dân, của xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của GDNN đối với phát triển kinh tế, xã hội, phát triển con người và phân luồng học sinh sau THCS.

Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông trong việc giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội, cha mẹ học sinh, học sinh và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của nguồn nhân lực giáo dục nghề nghiệp; về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế, xã hội, phát triển con người và phân luồng học sinh sau THCS; nhận thức đúng về con đường vào Đại học không phải là con đường duy nhất của mỗi con người; văn hóa “khoa bảng”, văn hóa “bằng cấp” từng bước được thoát ly dần trong tiềm thức của mọi người dân. Đây là việc làm rất khó, không dễ để thay đổi một sớm một chiều, mà đòi hỏi phải mất nhiều năm, nhiều thập kỷ, thực hiện đồng bộ cùng với các giải pháp khác mới hy vọng thành công.

2.5. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, đảm bảo an toàn trường học phòng chống Covid 19.

Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, đảm bảo vệ sinh; công tác phòng chống Covid-19 được coi trọng hàng đầu, làm tốt công tác vệ sinh khử khuẩn, thực hiện khuyến cáo “2K” 100% cán bộ giáo viên, nhân viên đã tiêm

phòng Vaccine mũi 3; 99,39% học sinh tham gia tiêm phòng mũi 1; 98,18% học sinh tiêm phòng mũi 2; 48,11% học sinh tiêm phòng mũi 3

Tích cực thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội, AIDS, ma túy, mại dâm và phòng, chống tham nhũng; chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường, không sử dụng đồ nhựa dùng một lần; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình, nhà trường; tổ chức hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học; ... theo hướng dẫn của ngành.

2.6. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục

- Đối với khối 6,7 đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021

+ Kết quả rèn luyện

| STT | Tên lớp | Số số | Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
|-----|---------|-------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|----------|--------|
| | | | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| 1 | K 6,7 | 346 | 277 | 80.06 | 56 | 16.18 | 11 | 3.18 | 2 | 0.58 |
| 2 | K 6 | 181 | 164 | 90.61 | 13 | 7.18 | 4 | 2.21 | | |
| 3 | 6A | 46 | 46 | 100 | | | | | | |
| 4 | 6B | 45 | 44 | 97.78 | 1 | 2.22 | | | | |
| 5 | 6C | 45 | 39 | 86.67 | 6 | 13.33 | | | | |
| 6 | 6D | 45 | 35 | 77.78 | 6 | 13.33 | 4 | 8.89 | | |
| 7 | K 7 | 165 | 113 | 68.48 | 43 | 26.06 | 7 | 4.24 | 2 | 1.21 |
| 8 | 7A | 45 | 42 | 93.33 | 3 | 6.67 | | | | |
| 9 | 7B | 42 | 29 | 69.05 | 9 | 21.43 | 4 | 9.52 | | |
| 10 | 7C | 40 | 23 | 57.5 | 17 | 42.5 | | | | |
| 11 | 7D | 38 | 19 | 50 | 14 | 36.84 | 3 | 7.89 | 2 | 5.26 |

+ Kết quả học tập

| ST T | Tên lớp | Số số | Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
|------|---------|-------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|----------|--------|
| | | | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| 1 | K 6,7 | 346 | 70 | 20.23 | 133 | 38.44 | 110 | 31.79 | 33 | 9.54 |
| 2 | K 6 | 181 | 45 | 24.86 | 73 | 40.33 | 47 | 25.97 | 16 | 8.84 |
| 3 | 6A | 46 | 36 | 78.26 | 10 | 21.74 | | | | |
| 4 | 6B | 45 | 7 | 15.56 | 35 | 77.78 | 3 | 6.67 | | |
| 5 | 6C | 45 | | | 18 | 40 | 21 | 46.67 | 6 | 13.33 |
| 6 | 6D | 45 | 2 | 4.44 | 10 | 22.22 | 23 | 51.11 | 10 | 22.22 |
| 7 | K 7 | 165 | 25 | 15.15 | 60 | 36.36 | 63 | 38.18 | 17 | 10.3 |
| 8 | 7A | 45 | 23 | 51.11 | 20 | 44.44 | 2 | 4.44 | | |
| 9 | 7B | 42 | | | 23 | 54.76 | 15 | 35.71 | 4 | 9.52 |
| 10 | 7C | 40 | 1 | 2.5 | 10 | 25 | 25 | 62.5 | 4 | 10 |
| 11 | 7D | 38 | 1 | 2.63 | 7 | 18.42 | 21 | 55.26 | 9 | 23.68 |

- Đối với khối 8, 9 đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020

+ Hạnh kiểm

| ST T | Tên lớp | Số số | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
|----------|---------------|------------|------------|--------------|-----------|--------------|-----------|-------------|-----|--------|
| | | | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| 1 | K 8, 9 | 315 | 232 | 73.65 | 61 | 19.37 | 22 | 6.98 | | |
| 2 | K 8 | 185 | 130 | 70.27 | 40 | 21.62 | 15 | 8.11 | | |
| 3 | 8A | 40 | 35 | 87.5 | 5 | 12.5 | | | | |
| 4 | 8B | 36 | 25 | 69.44 | 11 | 30.56 | | | | |
| 5 | 8C | 36 | 18 | 50 | 6 | 16.67 | 12 | 33.33 | | |
| 6 | 8D | 38 | 33 | 86.84 | 4 | 10.53 | 1 | 2.63 | | |
| 7 | 8E | 35 | 19 | 54.29 | 14 | 40 | 2 | 5.71 | | |
| 8 | K 9 | 130 | 102 | 78.46 | 21 | 16.15 | 7 | 5.38 | | |
| 9 | 9A | 44 | 44 | 100 | | | | | | |
| 10 | 9B | 45 | 33 | 73.33 | 10 | 22.22 | 2 | 4.44 | | |
| 11 | 9C | 41 | 25 | 60.98 | 11 | 26.83 | 5 | 12.2 | | |

+ Học lực

| ST T | Tên lớp | Số số | Giỏi | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | |
|----------|---------------|------------|-----------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|-----------|-------------|-----|--------|
| | | | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| 1 | K 8, 9 | 315 | 82 | 26.03 | 113 | 35.87 | 107 | 33.97 | 13 | 4.13 | | |
| 2 | K 8 | 185 | 42 | 22.7 | 69 | 37.3 | 61 | 32.97 | 13 | 7.03 | | |
| 3 | 8A | 40 | 36 | 90 | 4 | 10 | | | | | | |
| 4 | 8B | 36 | 2 | 5.56 | 18 | 50 | 13 | 36.11 | 3 | 8.33 | | |
| 5 | 8C | 36 | | | 15 | 41.67 | 17 | 47.22 | 4 | 11.11 | | |
| 6 | 8D | 38 | 2 | 5.26 | 21 | 55.26 | 14 | 36.84 | 1 | 2.63 | | |
| 7 | 8E | 35 | 2 | 5.71 | 11 | 31.43 | 17 | 48.57 | 5 | 14.29 | | |
| 8 | K 9 | 130 | 40 | 30.77 | 44 | 33.85 | 46 | 35.38 | | | | |
| 9 | 9A | 44 | 35 | 79.55 | 9 | 20.45 | | | | | | |
| 10 | 9B | 45 | 3 | 6.67 | 17 | 37.78 | 25 | 55.56 | | | | |
| 11 | 9C | 41 | 2 | 4.88 | 18 | 43.9 | 21 | 51.22 | | | | |

- Năm học 2022-2023 việc đánh giá xếp loại hai mặt giáo dục theo chùm 03 Thông tư (TT58, TT26 và TT22) tuy nhiên kết quả đạt được cơ bản ổn định so với cùng kỳ năm trước.

2.7. Kết quả các kỳ thi

- Việc triển khai và tham gia các kỳ thi nhà trường đã chủ động thông báo tới giáo viên, học sinh và phụ huynh.

- Kết quả học sinh tham gia các kỳ thi theo chuẩn quốc tế để đạt chuẩn đầu ra theo quy định: IELTS, TOEFL, các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh...; chương trình tin học theo chuẩn quốc tế.

Năm học 2022-2023 đến thời điểm 30/5/2023 đã có kết quả đạt 14 giải Violympic Toán-Tiếng Việt; Toán-Tiếng Anh cấp Quốc gia; 15 giải văn hóa và thể thao cấp thành phố; 135 giải văn hóa và thể thao cấp huyện; hiện tại có 01 học sinh tham gia đoàn vận động viên thi điền kinh giải học sinh, sinh viên toàn quốc vào đầu tháng 6.

2.8. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Kết quả công tác triển khai chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6, 7 việc bồi dưỡng và chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; việc triển khai tập huấn nhân rộng các nội dung do Bộ GDĐT, Sở GDĐT tổ chức; các hoạt động bồi dưỡng khác do đơn vị tổ chức. Hiện tại 100% cán bộ, giáo viên đảm bảo chuẩn theo vị trí việc làm và 100% cán bộ, giáo viên được tham gia bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018 hoàn thành modul 5 đại trà; 02 đ/c được theo bồi dưỡng nguồn từ Bộ triển khai; 06 đ/c được theo học bồi dưỡng tín chỉ phục vụ dạy học môn KHTN; LS-ĐL; Tư vấn tâm lý học đường. Đã có kế hoạch sẵn sàng bồi dưỡng chương trình sách giáo khoa lớp 8 năm học 2023-2024.

- Hoạt động đổi mới quản lý giáo dục; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Cán bộ quản lý được tiếp cận tập huấn với chính sách quản lý viên chức, thi đua khen thưởng, đạo đức nhà giáo, văn hóa công sở, quản lý tài chính từng bước tham mưu xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trang bị phòng máy phục vụ học tập tin học, lắp đặt hệ thống mạng trên các khu đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học, sử dụng đưa KHBD lên phần mềm quản lý chuyên môn, cập nhật các thông tin làm sạch cơ sở dữ liệu thực hiện chuyển đổi số

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Việc phân công giáo viên tham gia giảng dạy cùng một lúc hai chương trình đôi lúc cũng còn bất cập vì cơ cấu giáo viên chưa phù hợp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Kết quả đã đạt được.

Năm học 2022-2023 đội ngũ giáo viên cơ bản ổn định, cơ cấu bộ môn có chút bất cập, định biên còn thiếu 01 giáo viên do biệt phái 01 đ/c đến công tác tại Phòng GD&ĐT, 02 nhân viên, tập thể đoàn kết tập trung cao cho nhiệm vụ được giao chất lượng mũi nhọn, đại trà duy trì ổn định.

Cơ sở vật chất được bổ sung cải thiện đáng kể như mua sắm bổ sung đồ dùng dạy học; bàn ghế, ti vi, máy tính, lắp đặt mạng các khu đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

An ninh trường học bảo đảm an toàn, thực hiện tốt dân chủ hóa trường học, được Sở GD&ĐT về thanh tra thực hiện Chương trình GDPT 2018, các khoản thu năm học 2022-2023 và thực hiện công khai trong nhà trường cơ bản toàn diện, nghiêm túc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Chất lượng mũi nhọn, đại trà duy trì ổn định, kết quả đạt 14 giải Violympic Toán-Tiếng Việt; Toán-Tiếng Anh cấp Quốc gia; 15 giải văn hóa và thể thao cấp thành phố; 135 giải văn hóa và thể thao cấp huyện.

Có 06 giáo viên tham gia dự thi và đạt giáo viên giỏi cấp huyện; 02 giáo viên tham gia dự thi và đạt giáo viên giỏi cấp thành phố, 07 thầy cô tham gia viết sáng kiến được Hội đồng thẩm định sáng kiến cấp huyện công nhận có hiệu quả ảnh hưởng áp dụng trong phạm vi cấp huyện.

3.2. Hạn chế cần khắc phục cho thời gian tới và năm học tiếp theo

Tiếp tục tăng cường và chủ động trong công tác phòng chống dịch.

Tập trung đi sâu vào công tác chuyên môn nâng cao chất lượng các chuyên đề theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công tác kiểm tra đánh giá, sinh hoạt chuyên môn; Công tác quản lý hồ sơ; Nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn đối với học sinh, chất lượng tay nghề đối với giáo viên, tích cực trong lĩnh vực chuyên đổi số và bồi dưỡng thường xuyên, chuyển tải tính ưu việt khi sử dụng eNetViet tới phụ huynh và học sinh.

3.3. Đề xuất, kiến nghị.

Tiếp tục tham mưu với địa phương, các cấp, các ngành quan tâm tìm dự án mở rộng sân tập tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngoại khóa, giáo dục thể chất cho học sinh trong môi trường an toàn, tiếp tục sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất khu B, sân trường và điều kiện cơ sở vật chất khác phục vụ dạy và học đáp ứng chuẩn I về cơ sở vật chất trong chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao tiến tới nông thôn mới kiểu mẫu

Đề xuất bổ sung nhân lực đáp ứng đủ trên các vị trí việc làm cho năm học 2023-2024.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- UBND xã Hùng Thắng (báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Văn Tuất